



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 2

Số 29 (15/02/2009)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

13-01-2009	Quyết định số 136/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận 10.	3
13-01-2009	Quyết định số 137/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 1, quận 10.	12
13-01-2009	Quyết định số 138/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 2, quận 10.	21

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

09-01-2009	Chỉ thị số 01/2009/CT-UBND về tập trung triển khai các giải pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách huyện năm 2009.	30
------------	---	----

12-01-2009 Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2009. 34

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 136/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và
kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010)
của quận 10**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét Công văn số 10806/TTr-TNMT-KH ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Tờ trình số 9008/TTr-UBND-TNMT ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 10 về trình duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của quận 10,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của quận 10 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		571,81	100,00	571,81	100,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	571,81	100,00	571,81	100,00
2.1	Đất ở	OTC	235,32	41,15	240,82	42,12
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	235,32	100,00	240,82	100,00
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	332,45	58,14	327,34	57,25
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	13,59	4,09	13,11	4,01
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	50,02	15,05	37,94	11,59
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	81,72	24,58	63,98	19,54
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	81,72	100,00	63,98	100,00
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX				
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	187,12	56,29	212,31	64,86
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	124,91	66,75	140,29	66,08
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	0,06	0,03	0,06	0,03
2.2.4.3	Đất để chuyên dẫn năng lượng, truyền thông	DNT	0,61	0,33	0,60	0,28
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	8,39	4,48	13,32	6,27
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	16,83	8,99	17,74	8,36
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào	DGD	30,91	16,52	34,79	16,39

	tạo					
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	4,77	2,55	4,85	2,28
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,61	0,33	0,61	0,29
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	0,03	0,02	0,05	0,02
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC				
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	3,67	0,64	3,63	0,64
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,37	0,06	0,01	0,00
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN				
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở	PN0^(a)/PN1^(a)	4,76
3.1	Đất trụ sở cơ quan	TS0/PN1 ^(a)	0,35
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	SN0/PN1 ^(a)	
3.3	Đất quốc phòng an ninh	CQA/PN1 ^(a)	3,90
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất	CC0 ^(a) /PN1 ^(a)	0,51
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/PN1 ^(a)	
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/PN1 ^(a)	
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở	PKT^(a)/OTC	13,91

	chuyển sang đất ở		
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	13,91
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	4,63
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	5,61
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	3,67
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC	
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC	

c) Diện tích đất phải thu hồi:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất phải thu hồi	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
1	2	3	4
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	87,43
2.1	Đất ở	OTC	17,10
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	17,10
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	69,94
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,58
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	12,02
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	44,41
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	12,92
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,04
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,36
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

d) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:

Trong kỳ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của quận 10 không có nhóm đất chưa sử dụng, nên không có chỉ tiêu biểu theo quy định.

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi được xác định theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 (tỷ lệ 1/2.000) và Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận 10 do Ủy ban nhân dân quận 10 lập ngày 23 tháng 12 năm 2008.

Điều 2. Duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận 10:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Phân theo kế hoạch từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		571,81	571,81	571,81	571,81	571,81
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	571,81	571,81	571,81	571,81	571,81
2.1	Đất ở	OTC	235,03	234,84	240,27	241,08	240,82
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	235,03	234,84	240,27	241,08	240,82
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	332,74	332,93	327,88	327,08	327,34
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	13,59	13,59	13,13	13,12	13,11
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	49,97	49,96	46,51	39,25	37,94
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	79,95	79,94	60,01	63,99	63,98
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất,	SKC	79,95	79,94	60,01	63,99	63,98

	kinh doanh						
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX					
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	189,24	189,43	208,24	210,73	212,31
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	127,13	127,34	138,16	138,89	140,29
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL	0,06	0,06	0,06	0,06	0,06
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn NL, truyền thông	DNT	0,61	0,61	0,61	0,60	0,60
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	8,39	8,39	13,15	13,32	13,32
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	16,83	16,82	17,80	17,74	17,74
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	30,81	30,79	33,03	34,61	34,79
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	4,77	4,77	4,77	4,85	4,85
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,61	0,61	0,61	0,61	0,61
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	0,03	0,03	0,05	0,05	0,05
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC					
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	3,67	3,67	3,65	3,64	3,63
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,37	0,37	0,01	0,01	0,01
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN					
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích	Phân theo kế hoạch từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở	PN0^(a)/PN1^(a)	4,76			0,86	3,90	
3.1	Đất trụ sở cơ quan	TS0/PN1 ^(a)	0,35			0,35		
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	SN0/PN1 ^(a)						
3.3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/PN1 ^(a)	3,90				3,90	
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất	CC0 ^(a) /PN1 ^(a)	0,51			0,51		
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/PN1 ^(a)						
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/PN1 ^(a)						
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT^(a)/OTC	13,91		0,23	8,82	4,85	
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	13,91		0,23	8,82	4,85	

4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC						
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	4,63			2,77	1,86	
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	5,61			5,53	0,07	
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	3,67		0,23	0,52	2,92	
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC						
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC						
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC						
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC						

3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích đất cần thu hồi trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Đất nông nghiệp	NNP						
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	87,43	2,93	2,05	57,51	23,08	1,86
2.1	Đất ở	OTC	17,10	0,29	0,95	6,92	8,67	0,26
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT						
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	17,10	0,29	0,95	6,92	8,67	0,26
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	69,94	2,64	1,09	50,21	14,40	1,60
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,58			0,56	0,01	

2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	12,02	0,05	0,01	3,45	7,20	1,31
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	44,41	1,77		41,44	1,19	0,01
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	12,92	0,82	1,08	4,75	6,00	0,28
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,04			0,02	0,01	
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	0,36			0,36		
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN						
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						

4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:

Trong kỳ kế hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của quận 10 không có nhóm đất chưa sử dụng, nên không có chỉ tiêu biểu theo quy định.

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu đã được xét duyệt trong Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận 10 có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 137/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 1, quận 10

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét Công văn số 10856/TNMT-KH ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Tờ trình số 9022/TTr-UBND-TNMT ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân phường 1, quận 10 về trình duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 1, quận 10,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 của phường 1, quận 10 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		20,81	100,00	20,81	100,00

2	Đất phi nông nghiệp	PNN	20,81	100,00	20,81	100,00
2.1	Đất ở	OTC	8,70	41,81	8,36	40,15
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	8,70	100,00	8,36	100,00
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	12,02	57,76	12,37	59,45
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	4,53	37,69	4,53	36,62
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA				
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,35	2,91	0,35	2,83
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	0,35	100,00	0,35	100,00
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX				
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	7,14	59,40	7,49	60,55
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	6,03	84,45	6,40	85,48
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL				
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, truyền thông	DNT	0,51	7,14	0,51	6,81
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH				
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,02	0,28	0,02	0,26
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,57	7,98	0,55	7,32
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT				
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,01	0,14	0,01	0,13
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT				
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC				

2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,09	0,43	0,08	0,40
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD				
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN				
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở	PN0 ^(a) /PN1 ^(a)	
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT ^(a) /OTC	0,15
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	0,15
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	0,15
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC	
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC	

c) Diện tích đất phải thu hồi:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất phải thu hồi	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
1	2	3	4
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,7960
2.1	Đất ở	OTC	1,1105
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1,1105
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	0,6783
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	0,6783
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,0072
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

d) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:

Trong kỳ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của phường 1, quận 10 không có nhóm đất chưa sử dụng, nên không có chỉ tiêu biểu theo quy định.

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi được xác định theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 (tỷ lệ 1/1.000) và Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 1, quận 10 do Ủy ban nhân dân phường 1, quận 10 lập ngày 23 tháng 12 năm 2008.

Điều 2. Duyệt kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 1, quận 10:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Phân theo kế hoạch từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		20,81	20,81	20,81	20,81	20,81
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	20,81	20,81	20,81	20,81	20,81
2.1	Đất ở	OTC	8,67	8,67	8,39	8,39	8,36
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	8,67	8,67	8,39	8,39	8,36
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	12,05	12,05	12,34	12,34	12,37
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	4,53	4,53	4,53	4,53	4,53
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA					
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX					
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	7,17	7,17	7,46	7,46	7,49
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	6,06	6,06	6,37	6,37	6,40
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL					
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn NL, truyền thông	DNT	0,51	0,51	0,51	0,51	0,51
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH					
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02

2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,57	0,57	0,55	0,55	0,55
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT					
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT					
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC					
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,09	0,09	0,08	0,08	0,08
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD					
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN					
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch	Phân theo kế hoạch từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở	PN0 ^(a) /PN1 ^(a)						
3.1	Đất trụ sở cơ quan	TS0/PN1 ^(a)						

3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	SN0/PN1 ^(a)						
3.3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/PN1 ^(a)						
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất	CC0 ^(a) /PN1 ^(a)						
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/PN1 ^(a)						
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/PN1 ^(a)						
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT^(a)/OTC	0,15			0,15		
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	0,15			0,15		
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC						
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC						
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC						
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	0,15			0,15		
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC						
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC						
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC						
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC						

3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích đất cần thu hồi trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Đất nông nghiệp	NNP						
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,7960	0,0251		1,7404	0,0305	
2.1	Đất ở	OTC	1,1105	0,0251		1,0549	0,0305	
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT						
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1,1105	0,0251		1,0549	0,0305	
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	0,6783			0,6783		
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS						
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA						
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK						
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	0,6783			0,6783		
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,0072			0,0072		
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD						
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN						
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						

4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:

Trong kỳ kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 1, quận 10 không có nhóm đất chưa sử dụng, nên không có chỉ tiêu biểu theo quy định.

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu đã được xét duyệt trong Quyết định này, Ủy ban nhân dân phường 1, quận 10 có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 1, quận 10 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 138/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch
sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 2, quận 10**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét Công văn số 10857/TNMT-KH ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Sở Tài nguyên và Môi trường và Tờ trình số 9021/TTr-UBND-TNMT ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân phường 2, quận 10 về trình duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 2, quận 10,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 của phường 2, quận 10 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010:

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		19,98	100,00	19,98	100,00

2	Đất phi nông nghiệp	PNN	19,98	100,00	19,98	100,00
2.1	Đất ở	OTC	8,75	43,79	10,64	53,28
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT				
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	8,75	100,00	10,64	100,00
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	11,14	55,76	9,25	46,27
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,28	2,51	0,28	3,03
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,01	0,09	0,01	0,11
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1,49	13,38	1,42	15,35
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	1,49	100,00	1,42	100,00
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX				
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	9,36	84,02	7,54	81,52
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	7,31	78,10	5,49	72,80
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL				
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, truyền thông	DNT	0,01	0,11	0,01	0,13
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,12	1,28	0,12	1,59
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT				
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,92	20,51	1,92	25,48
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT				
2.2.4.8	Đất chợ	DCH				
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT				
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC				
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,09	0,45	0,09	0,45

2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD				
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN				
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở	PN0 ^(a) /PN1 ^(a)	
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT ^(a) /OTC	1,89
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	1,89
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC	
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	0,07
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	1,82
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC	
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC	

c) Diện tích đất phải thu hồi:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Loại đất phải thu hồi	Mã	Giai đoạn 2006 - 2010
--------	-----------------------	----	-----------------------

1	2	3	4
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4,04
2.1	Đất ở	OTC	2,14
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	2,14
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	1,89
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,07
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	1,82
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

d) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:

Trong kỳ quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 của phường 2, quận 10 không có nhóm đất chưa sử dụng, nên không có chỉ tiêu biểu theo quy định.

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi được xác định theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 (tỷ lệ 1/1.000) và Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 2, quận 10 do Ủy ban nhân dân phường 2, quận 10 lập ngày 23 tháng 12 năm 2008.

Điều 2. Duyệt kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của quận 10:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Phân theo kế hoạch từng năm				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		19,98	19,98	19,98	19,98	19,98

2	Đất phi nông nghiệp	PNN	19,98	19,98	19,98	19,98	19,98
2.1	Đất ở	OTC	8,75	8,75	8,75	10,64	10,64
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	8,75	8,75	8,75	10,64	10,64
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	11,14	11,14	11,14	9,25	9,25
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	0,28	0,28	0,28	0,28	0,28
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1,49	1,49	1,49	1,42	1,42
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	1,49	1,49	1,49	1,42	1,42
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX					
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	9,36	9,36	9,36	7,54	7,54
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	7,31	7,31	7,31	5,49	5,49
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL					
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn NL, truyền thông	DNT	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,12	0,12	0,12	0,12	0,12
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT					
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	1,92	1,92	1,92	1,92	1,92
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT					
2.2.4.8	Đất chợ	DCH					
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT					
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC					
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	0,09	0,09	0,09	0,09	0,09
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD					

2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN						
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch	Phân theo kế hoạch từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở	PN0^(a)/PN1^(a)						
3.1	Đất trụ sở cơ quan	TS0/PN1 ^(a)						
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	SN0/PN1 ^(a)						
3.3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/PN1 ^(a)						
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất	CC0 ^(a) /PN1 ^(a)						
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/PN1 ^(a)						
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/PN1 ^(a)						
4	Đất phi nông nghiệp không	PKT^(a)/OTC	1,89				1,89	

	phải đất ở chuyển sang đất ở							
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	1,89				1,89	
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC						
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC						
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	0,07				0,07	
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	1,82				1,82	
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC						
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC						
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC						
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC						

3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch	Phân theo kế hoạch từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Đất phi nông nghiệp không thu tiền sử dụng đất chuyển sang đất phi nông	PN0^(a)/PN1^(a)						

	nghiệp có thu tiền sử dụng đất không phải đất ở							
3.1	Đất trụ sở cơ quan	TS0/PN1 ^(a)						
3.2	Đất công trình sự nghiệp không kinh doanh	SN0/PN1 ^(a)						
3.3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/PN1 ^(a)						
3.4	Đất có mục đích công cộng không thu tiền sử dụng đất	CC0 ^(a) /PN1 ^(a)						
3.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/PN1 ^(a)						
3.6	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/PN1 ^(a)						
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT^(a)/OTC	1,89				1,89	
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	1,89				1,89	
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS/OTC						
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC						
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK/OTC	0,07				0,07	
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	1,82				1,82	

4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC						
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC						
4.4	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN/OTC						
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC						

4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng:

Trong kỳ kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của phường 2, quận 10 không có nhóm đất chưa sử dụng, nên không có chỉ tiêu biểu theo quy định.

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu đã được xét duyệt trong Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận 10 có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 10 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường 2, quận 10 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2009/CT-UBND

Củ Chi, ngày 09 tháng 01 năm 2009

CHỈ THỊ

Về tập trung triển khai các giải pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách huyện năm 2009

Năm 2009 là năm cả đất nước nói chung, thành phố Hồ Chí Minh và huyện Củ Chi nói riêng được dự báo là sẽ gặp nhiều khó khăn do sự tác động của suy giảm kinh tế, tài chính toàn cầu. Thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009, Nghị quyết Hội nghị Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 14, trên cơ sở những kết quả đã đạt được về kinh tế - xã hội và thu, chi ngân sách của huyện năm 2008 và để phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, tận dụng thời cơ, vượt qua khó khăn thách thức, phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, thu, chi ngân sách năm 2009 trên địa bàn huyện, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu còn lại mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ IX (2005 - 2010) đề ra, Ủy ban nhân dân huyện chỉ thị Thủ trưởng các phòng, ban, các đơn vị trực thuộc huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn:

1. Tổ chức quán triệt trong đội ngũ cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị mình về nội dung của Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội; Nghị quyết số 06/2008/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2009; Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố, Nghị quyết số 25/2008/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện cùng các chương trình, kế hoạch có liên quan; nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức trong việc nỗ lực vượt qua thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao ngay từ những tháng đầu năm 2009.

2. Căn cứ vào Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2009 của huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị huyện, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân các xã - thị trấn chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể của cơ quan, đơn vị, địa phương mình và ban hành ngay để tổ chức triển khai thực hiện. Nội dung kế hoạch phải chú trọng các biện pháp phát triển kinh tế kết hợp với phát triển văn hóa - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng - an ninh; có sự phân công trách nhiệm rõ ràng cho các bộ phận chuyên môn và cá nhân, có sự xác định rõ về phương thức, thời gian tổ chức thực hiện; song song với việc phân công trách nhiệm, phải có sự kiểm tra, giám sát thường xuyên để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, khắc phục ngay những trì trệ, thiếu sót trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn phải quan tâm thực hiện các vấn đề sau:

3.1. Tập trung thực hiện đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đặt ra trong Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và thu, chi ngân sách huyện năm 2009; tăng cường quản lý các hoạt động tài chính, quản lý thị trường; thực hiện có hiệu quả các biện pháp đảm bảo an sinh xã hội; chú trọng các biện pháp thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu.

3.2. Tập trung thực hiện các chương trình, công trình trọng điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX (2005 - 2010) và các chương trình, công trình do Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện đã đề ra.

3.3. Thực thi ngay những biện pháp nâng cao hiệu quả đầu tư đối với các dự án đầu tư đang được triển khai thực hiện, đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng công trình, chống thất thoát, lãng phí. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách cho các công trình, dự án sản xuất quan trọng, phát triển hạ tầng giao thông, đầu tư cho nông nghiệp nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X), tăng đầu tư cho lĩnh vực giáo dục, khoa học công nghệ và các lĩnh vực cấp bách khác. Tăng cường nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu của định hướng phát triển. Thường xuyên kiểm tra tiến độ các dự án đã có quyết định giao, thuê đất nhưng chưa triển khai; hoặc thực hiện không đúng mục đích được giao để đề nghị thu hồi; rà soát quỹ đất để tổ chức đấu giá, đấu thầu các dự án; chú ý quy hoạch gắn liền với chỉnh trang đô thị tại các khu trung tâm và khu dân cư.

3.4. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả “Năm 2009 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”, tập trung các nội dung: vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông; pháp luật về bảo vệ môi trường; xây dựng lối ứng xử văn hóa trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, trong cộng đồng dân cư... phấn đấu tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động trong các tầng lớp nhân

dân về tôn trọng và chấp hành pháp luật, xây dựng văn hóa ứng xử văn minh, lịch sự nơi công sở và nơi công cộng.

3.5. Tập trung kiểm tra và kiên quyết xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; xử lý dứt điểm những vấn đề đang gây bức xúc trong nhân dân, những kiến nghị của Hội đồng nhân dân huyện về lĩnh vực môi trường, trật tự an toàn giao thông, về bồi thường, giải phóng mặt bằng, về tiến độ đầu tư các dự án, về phát triển y tế, giáo dục... Đối với những vấn đề khó khăn cần phải phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan và báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân huyện xem xét, xử lý.

3.6. Tiếp tục thực hiện chương trình cải cách hành chính trên địa bàn huyện, nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy quản lý hành chính nhà nước; thực hiện việc công bố công khai, minh bạch các quy định về quy trình, thủ tục đối với từng thủ tục hành chính tại công sở, làm cơ sở cho nhân dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước trên địa bàn. Tiếp tục triển khai và thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các chương trình hành động của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện;

3.7. Tập trung lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; phấn đấu kéo giảm từ 5% đến 7% số vụ phạm pháp hình sự, kéo giảm 10% tai nạn giao thông trên cả 3 mặt so năm 2008 (số vụ, số người chết, số người bị thương). Ngăn chặn kịp thời các vụ đua xe trái phép trên địa bàn; tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy, hạn chế đến mức thấp nhất các vụ cháy và thiệt hại cho cháy, nổ gây ra; thực hiện hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân năm 2009.

3.8. Tiếp tục phát động mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước gắn với triển khai thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, các biện pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, nhất là các chính sách chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe gia đình chính sách, người nghèo; đẩy mạnh chương trình xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp; tăng cường các biện pháp phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, phấn đấu không để xảy ra dịch bệnh trên địa bàn huyện trong năm 2009.

4. Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện căn cứ nội

dung Chỉ thị này và Kế hoạch chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội của Ủy ban nhân dân huyện xây dựng chương trình làm việc của các đồng chí Thường trực Ủy ban nhân dân và Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện trong năm 2009.

5. Giao Phòng Nội vụ huyện hướng dẫn thang điểm thi đua và hình thức khen thưởng năm 2009 các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt nội dung Kế hoạch chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội.

6. Trước ngày 31 tháng 10 năm 2009, các đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch của cơ quan, đơn vị mình và báo cáo (bằng văn bản) về cho Ủy ban nhân dân huyện, có đánh giá mức độ hoàn thành của đơn vị mình. Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp và tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện báo cáo về thành phố trước ngày 15 tháng 11 năm 2009 theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai và phối hợp thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này, báo cáo kịp thời các trở ngại phát sinh và đề xuất trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2009/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 12 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội
và ngân sách năm 2009**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2008/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng nhân dân huyện về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2009;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi.

Điều 2. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, nội dung Kế hoạch và chương trình công tác này để xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, nhằm thực hiện Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách huyện, chương trình công tác năm 2009 đạt hiệu quả cao nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện,

Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách huyện năm 2009

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện)*

Năm 2009 là năm thứ tư thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII và Đại hội Đảng bộ huyện lần IX. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, nền kinh tế nước ta đang đứng trước nhiều khó khăn và thách thức. Để chủ động ngăn chặn suy giảm kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, kích cầu đầu tư và tiêu dùng, bảo đảm an sinh xã hội, Ủy ban nhân dân huyện đề ra mục tiêu phấn đấu tăng trưởng kinh tế năm 2009 là 7% trở lên, ổn định và giải quyết việc làm mới cho 8.000 lao động, tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội; tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển kinh tế bền vững, tạo điều kiện thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

Để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2009; duy trì tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế bền vững; triển khai thực hiện “Năm 2009 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”; thực hiện có hiệu quả cải cách hành chính, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện trong chỉ đạo, điều hành của bộ máy chính quyền các cấp, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch huyện năm 2009.

Ủy ban nhân dân huyện yêu cầu lãnh đạo các phòng, ban, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, tập trung thực hiện các giải pháp sau:

I. Tiếp tục rà soát, đánh giá kết quả triển khai 05 chương trình trọng điểm, theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa IX:

- Chương trình 1: Phát triển cây con.
- Chương trình 2: Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.
- Chương trình 3: Xây dựng nhà ở xã hội.

- Chương trình 4: Về văn hóa xã hội (trong đây có chỉ tiêu giảm hộ nghèo huyện đã hoàn thành trước Nghị quyết 2 năm).

- Chương trình 5: Thực hiện mục tiêu 3 giảm.

Các phòng, ban và các đơn vị huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, tiếp tục triển khai thực hiện 05 chương trình trọng điểm nhằm đẩy nhanh tiến độ, phấn đấu hoàn thành những mục tiêu cơ bản mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX đã đề ra, cụ thể:

Chương trình 1: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 1267/KH-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện triển khai công tác chuyển đổi cơ cấu kinh tế sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2006 - 2010 (rau an toàn đạt 3.000ha, hoa lan cây kiếng 500ha, bò sữa 35.000 con).

- **Chương trình 2:** Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Công Thương, Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng, huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện, tiếp tục thực hiện 119km đường cấp phối sỏi đỏ và 26km đường bê tông nhựa nóng (để hoàn thành 200km cấp phối và 130km bê tông nhựa nóng theo Nghị quyết).

- **Chương trình 3:**

. Phòng Công Thương cùng Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng huyện, và Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi khẩn trương hoàn thành các thủ tục để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội. Chỉ tiêu năm 2009 huyện xây dựng 160 căn và phấn đấu cuối năm 2010 hoàn thành 500 căn nhà ở xã hội.

. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội có kế hoạch giải quyết việc làm mới cho năm 2009 - 2010, mỗi năm 8.000 người lao động (để hoàn thành chỉ tiêu 40.000 lao động cho cả giai đoạn 5 năm).

- **Chương trình 4:**

. Phòng Nội vụ huyện có kế hoạch nâng cao hoạt động cải cách hành chính và chống quan liêu nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa; hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc phát triển huyện.

. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện phối hợp Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng huyện thực hiện đầu tư xây dựng 7 trường đạt chuẩn Quốc gia.

. Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng huyện, cùng Phòng Công Thương và Bệnh viện huyện Củ Chi có kế hoạch đầu tư nâng cấp bệnh viện huyện lên 300 giường.

. Các phòng, ban chuyên môn huyện cùng Ủy ban nhân dân xã Thái Mỹ và ấp Chánh, xã Tân Thông Hội tiếp tục xây dựng 1 xã và 1 ấp nông thôn mới toàn diện.

Chương trình 5:

. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phân đấu hạn chế thấp nhất số người nghiện ma túy và tái nghiện ma túy, quản lý tốt người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng.

. Công an huyện tăng cường các biện pháp kiểm soát giao thông, kéo giảm 10% tai nạn giao thông trên cả 3 mặt (số vụ, số người chết, số người bị thương nặng) và án hình sự giảm từ 5% - 7%.

II. Thực hiện 20 nhóm chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân huyện khóa IX, kỳ họp thứ 17

Mục tiêu năm 2009 huyện tiếp tục đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế là 7% và đi đôi với phát triển kinh tế bền vững. Để thực hiện mục tiêu này, ngay từ đầu năm 2009 Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn huyện phải chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện các chỉ tiêu do phòng, ban phụ trách, cụ thể:

1. Phòng Công Thương phối hợp với các ngành liên quan:

- Thực hiện hoàn thành 6 nhóm chỉ tiêu:

(1) Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng 7%.

(2) Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ tăng 8%.

(3) Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 5,05%.

(4) Thực hiện việc công khai quy hoạch đối với các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 và 1/500 đã được phê duyệt. Triển khai thực hiện quy hoạch chi tiết các điểm dân cư nông thôn cho 10 khu vực với quy mô 500ha.

(5) Hoàn thành công tác cấp sổ nhà cho 18 xã còn lại. Hoàn thành đặt tên đường cho 1.205 tuyến đường còn lại.

(6) Phối hợp tạo điều kiện cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp Thương mại Dịch vụ Củ Chi xây dựng 160 căn hộ cho người có thu nhập thấp.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: thực hiện giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 7,7% (7). Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp

và tập trung đầu tư chuyển đổi cơ cấu cây trồng cho 5 xã điềm. Củng cố, nâng chất hoạt động các hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục Thuế huyện:

(8) Đảm bảo điều hành ngân sách với tổng thu ngân sách nhà nước (pháp lệnh) là 191 tỷ đồng, phân đấu tổng thu ngân sách nhà nước tăng 10% so chỉ tiêu pháp lệnh. Tổng thu ngân sách địa phương 319,287 tỷ đồng, tổng chi ngân sách địa phương 319,287 tỷ đồng, bằng 123% so với dự toán năm 2008 (chưa có chi đầu tư xây dựng từ ngân sách thành phố phân cấp).

Chủ trì phối hợp cùng Phòng Công Thương và Ban Quản lý khu vực đầu tư xây dựng huyện:

(9) Phân đấu thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật với tổng vốn 400 tỷ đồng (không tính nguồn đầu tư trực tiếp).

(10) Xây dựng 07 trường đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất.

(11) Xây dựng 6 Trạm Y tế đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất.

4. Phòng Tài nguyên - Môi trường:

(12) Thực hiện hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 100% đối với các trường hợp không đủ điều kiện còn lại.

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: có kế hoạch thực hiện chỉ tiêu:

(13) Hạ tỷ lệ hộ nghèo từ 38,12% xuống còn 34,12% (giảm 2.990 hộ theo tiêu chí 12 triệu đồng/người/năm).

(14) Giải quyết việc làm mới cho 8.000 lao động và mở các lớp dạy nghề cho những người lao động bị ảnh hưởng dự án đầu tư phải chuyển đổi ngành nghề.

6. Phòng Giáo dục và Đào tạo:

(15) Tiếp tục duy trì huyện đạt chuẩn Quốc gia về chống mù chữ và phổ cập bậc tiểu học và trung học cơ sở, trung học phổ thông.

7. Phòng Y tế: phối hợp cùng Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn vận động nhân dân:

(16) Hạ tỷ lệ sinh 0,112‰.

(17) Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 là 0,25%.

8. Phòng Văn hóa - Thông tin:

(18) Tiếp tục thực hiện chủ đề năm “Văn minh đô thị”.

(19) Đăng ký xây dựng 07 xã văn hóa. Xây dựng, ban hành tiêu chí các tuyến đường kiểu mẫu của xã, ấp, tổ nhân dân, tổ dân phố.

9. Công an huyện: phân đấu kéo giảm 5 - 7% số vụ phạm pháp hình sự, 10% tai nạn giao thông trên cả 3 mặt (so năm 2008) (20).

III. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, cải thiện môi trường đầu tư, ngăn chặn suy giảm kinh tế, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế

1. Đối với các cơ quan, ban, ngành huyện:

1.1. Phòng Công Thương phối hợp với các ngành liên quan:

- Tạo chuyển biến thật sự về chất lượng tăng trưởng, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, dịch vụ; tập trung đầu tư giao thông nội đồng, thủy lợi, đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất.

- Xúc tiến thành lập Hội Doanh nghiệp huyện để hỗ trợ doanh nghiệp phát huy khả năng sản xuất kinh doanh, kịp thời nắm bắt thông tin về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, an tâm trong đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thương hiệu và đăng ký thương hiệu hàng hóa. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại dịch vụ, giá cả, vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục xây dựng định hướng các mô hình kinh tế hợp tác phù hợp với từng lĩnh vực, vận động thành lập mới các Hợp tác xã, bên cạnh đó cần được duy trì phát triển các hợp tác xã hiện có, củng cố các hợp tác xã yếu kém để nâng cao hiệu quả hoạt động của loại hình kinh tế tập thể trên địa bàn huyện theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX.

- Thường xuyên rà soát, kiểm tra việc quản lý quy hoạch và sử dụng đất theo quy hoạch. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết 1/2000, hoàn thành việc cắm mốc lộ giới.

1.2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình thủy lợi nhất là các công trình phòng, chống lụt, bão, các công trình phục vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sản xuất phát triển. Đẩy nhanh tiến độ chuyển dịch cơ

cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng hiệu quả và bền vững, chú trọng thâm canh với giống tốt và kỹ thuật mới nhằm tăng nhanh chất lượng nông sản.

- Tiếp tục vận động nhân dân thực hiện phòng, chống dịch cúm gia cầm, gia súc, kiên quyết xử lý các trường hợp chăn nuôi, vận chuyển gia cầm thủy cầm trái phép. Đồng thời xử lý môi trường đối với các trang trại chăn nuôi bằng cách sử dụng biogas và nhiều phương pháp khác.

1.3. Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư toàn xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội. Phối hợp kiểm tra chặt chẽ và nâng cao hiệu quả đầu tư ngay từ các khâu: đánh giá, phê duyệt kế hoạch đầu tư, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả, lãng phí.

1.4. Phòng Tài Nguyên - Môi trường: tuân thủ các nguyên tắc đảm bảo môi trường từ khâu lập dự án xây dựng, đồng thời tăng cường công tác hậu kiểm. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Xử lý nghiêm các doanh nghiệp, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, phải có biện pháp khắc phục, xây dựng hệ thống xử lý chất thải theo quy định.

Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tập trung rà soát các dự án đã được giao đất, cho thuê đất nhưng không triển khai đầu tư, bỏ hoang hóa nhiều năm để kiến nghị thành phố điều chỉnh hoặc thu hồi nhằm tránh lãng phí trong quản lý sử dụng đất đai. Cùng với các ngành chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện thực hiện việc giao đất có thu tiền đối với diện tích đất nhỏ, lẻ dưới 1.000m².

1.5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trường Trung cấp nghề Củ Chi chủ trì:

- Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, giúp đỡ gia đình chính sách, hộ nghèo trên địa bàn huyện.

- Tăng cường thực hiện công tác giới thiệu việc làm và xuất khẩu lao động (đặc biệt là tạo điều kiện cho lao động nghèo được đi xuất khẩu lao động); nâng cao năng lực trung tâm giới thiệu việc làm.

- Thực hiện triển khai bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Bộ Luật Lao động và chỉ đạo của Trung ương, thành phố.

- Triển khai và thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo giai đoạn 2009 - 2015;

- Tăng cường thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng dạy nghề theo nhu cầu thị trường và đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế; thực hiện xã hội hóa công tác dạy nghề; nâng cao năng lực quản lý nguồn lao động trên địa bàn.

- Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí theo chương trình mục tiêu hỗ trợ dạy nghề lao động nông thôn.

1.6. Phòng Văn hóa - Thông tin:

(19) Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể về tiêu chí văn minh đô thị, có trọng tâm, trọng điểm để tiếp tục thực hiện chủ đề của năm 2009 “Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.

1.7. Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan:

- Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế và phù hợp với tình hình thực tiễn. Đẩy mạnh phổ cập tin học, ngoại ngữ cho học sinh phổ thông. Tiếp tục tăng cường kỷ cương, nề nếp; ngăn chặn có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội xâm nhập nhà trường.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động Trung tâm Giáo dục thường xuyên. Phát triển Trung tâm giáo dục cộng đồng ở các xã, thu hút đối tượng phổ cập học tập. Đẩy mạnh đào tạo nghề, chú trọng đào tạo nghề phục vụ nhu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa; dạy nghề cho lao động nông thôn, dạy nghề phục vụ xuất khẩu lao động.

1.8. Phòng Y tế chủ trì thực hiện:

- Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện và khống chế dịch bệnh, đặc biệt là HIV/AIDS và các dịch bệnh mới phát sinh. Tăng cường các biện pháp kiểm sát vệ sinh an toàn thực phẩm

- Phát triển các phong trào vệ sinh, phòng bệnh, đẩy mạnh phòng, chống các bệnh nghề nghiệp. Củng cố và phát triển y tế học đường.

- Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em, người cao tuổi và các hoạt động phục hồi chức năng. Củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng. Thực hiện tốt việc khám chữa bệnh cho người có công, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách xã hội, tăng cường năng lực khám chữa bệnh thông qua bảo hiểm y tế.

- Huy động sự tham gia của hệ thống y tế ngoài công lập vào việc thực hiện các mục tiêu về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

1.9. Thanh tra huyện và Phòng Tài nguyên - Môi trường cùng Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

Tập trung giải quyết đơn tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, không để xảy ra tranh chấp, khiếu nại đông người và không để xảy ra điểm nóng về tranh chấp, khiếu nại trên địa bàn.

1.10. Thanh tra Xây dựng: tăng cường kiểm tra từng bước lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý đô thị, dự án và xây dựng.

1.11. Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng huyện: đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, triển khai thực hiện các công trình phòng, chống lụt, bão, chống ngập úng.

1.12. Phòng Nội vụ: tiếp tục chỉ đạo công tác cải cách hành chính, chú trọng cơ chế một cửa liên thông; đề cao trách nhiệm công vụ, trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu đơn vị, tạo sự chuyên biến rõ rệt trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch trong đội ngũ cán bộ, công chức. Có các giải pháp khả thi, khắc phục sự sụt giảm tỷ lệ chỉ số hài lòng ở các dịch vụ công.

1.13. Ban Bồi thường - giải phóng mặt bằng: khẩn trương hoàn thành các dự án đền bù còn tồn đọng, đảm bảo thực hiện các chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư đúng theo luật định, đảm bảo lợi ích cho người bị ảnh hưởng.

1.14. Công an huyện:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, phối hợp các đơn vị liên quan đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; tăng cường vận động thực hiện phong trào toàn dân phòng, chống tội phạm, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc; xây dựng khu dân cư cơ bản không có tệ nạn ma túy. Kiên quyết đấu tranh xử lý nghiêm tội phạm, chống tham nhũng, đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

- Tổ chức các đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đặc biệt là trong dịp Tết Nguyên đán Kỷ Sửu 2009 và các ngày lễ lớn trong năm; Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy.

1.15. Ban Chỉ huy Quân sự huyện: Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn tập trung thực hiện hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2009; tổ chức huấn luyện hội thao quốc phòng, công tác diễn tập phòng thủ, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt chỉ tiêu đã đề ra.

2. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

2.1. Tập trung chỉ đạo hoàn thành 74 chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2009 đã được ký kết giao ước thi đua giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn.

2.2. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ động tăng cường kiểm tra các dịch vụ Internet trên địa bàn của xã, thị trấn. Quan tâm đến trẻ em dưới 15 tuổi khi sử dụng dịch vụ tại đại lý Internet phải có người thành niên bảo lãnh và giám sát trong suốt quá trình sử dụng dịch vụ tại đại lý, theo Thông tư số 02/2005/TTLT-BCVT-VHTT-CA-KHĐT ngày 14 tháng 7 năm 2005 về quản lý đại lý Internet.

2.3. Kiểm tra tình hình quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn của xã quản lý, kịp thời đề xuất xử lý các trường hợp được giao, thuê đất nhưng bỏ hoang hóa không triển khai dự án đầu tư. Quản lý các trường hợp xây dựng không chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng không phép, sai phép trên địa bàn.

2.4. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, thị trấn thực hiện công tác giám sát đầu tư cộng đồng đối với tất cả các dự án đầu tư trên địa bàn của xã, thị trấn theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 34/2006/CT-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về giám sát đầu tư của cộng đồng.

2.5. Phối hợp Công an huyện thực hiện chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm. Vận động nhân dân tích cực tham gia phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2.6. Tiếp tục thực hiện chủ đề “Năm 2009 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”. Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể về tiêu chí văn minh đô thị, có trọng tâm, trọng điểm để tiếp tục thực hiện chủ đề của năm 2009 “Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.

IV. Triển khai thực hiện kế hoạch năm 2009 “Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”:

1. Các phòng, ban, các đơn vị huyện, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn phối hợp Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tiếp tục phát động cuộc vận động toàn dân thực hiện xây dựng nếp sống văn minh đô thị, trong đó tập trung vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh Luật Giao thông đường bộ; pháp luật về bảo vệ môi trường; xây dựng lối ứng xử văn hóa trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp, trong cộng đồng dân cư.

- Tiếp tục thực hiện “5 không” đối với các hành vi thiếu văn minh nơi công cộng.

2. Phòng Tài nguyên - Môi trường: chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường kiểm soát ô nhiễm trên địa bàn huyện, xử lý nghiêm minh cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường, bắt buộc triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm.

3. Công an huyện, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn đẩy mạnh thực hiện Chương trình 3 giảm, giải quyết cơ bản các tệ nạn xã hội, người lang thang, ăn xin, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ lang thang kiếm sống; kiên quyết đưa vào các Trung tâm bảo trợ xã hội hoặc gửi về địa phương gia đình quản lý; thực hiện tốt chương trình hậu cai nghiện.

4. Công an huyện, Thanh tra Xây dựng huyện, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn, các đơn vị có liên quan thực hiện tốt việc tuần tra kiểm soát, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự đô thị trên địa bàn.

V. Thực hiện chương trình hành động phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2006 - 2010

Chương trình 1: Phòng, chống tham nhũng

Thanh tra huyện, Phòng Nội vụ phối hợp Công an huyện tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chức trách công vụ của cán bộ, công chức, viên chức về trách nhiệm để kịp thời phát hiện, ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, lãng phí của cán bộ, công chức, viên chức; đề cao tính gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; đồng thời thực hiện nghiêm quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng.

Chương trình 2: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; quản lý sử dụng trụ sở làm việc

Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tiếp tục thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản nhà nước; quản lý sử dụng trụ sở làm việc.

Phòng Công Thương tiếp tục thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng điện và các công trình phúc lợi công cộng.

Chương trình 3: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản các dự án sử dụng ngân sách nhà nước, tiền và tài sản nhà nước

Phòng Công Thương làm đầu mối chủ trì phối hợp với phòng, ban chuyên môn của huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tăng cường công tác thanh tra, giám sát đầu tư, quản lý đấu thầu đảm bảo chất lượng thi công công trình đúng theo hồ sơ thiết kế dự toán được duyệt; kiên quyết xử lý các vi phạm về chất lượng và tiến độ thi công công trình.

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp các ngành của huyện tăng cường công tác quản lý kiểm tra các công trình đã và đang được đầu tư xây dựng trên địa bàn xã, thị trấn; không để tình trạng hư hỏng, mất cắp vật tư, thiết bị xảy ra, nhất là các công trình đèn chiếu sáng dân lập. Bảo quản gìn giữ các tuyến đường giao thông nông thôn - giao thông nội đồng đã đầu tư trong thời gian qua. Phục hồi các cống chắn tại các tuyến đường bê tông nhựa nóng.

Chương trình 4: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng các công trình phúc lợi công cộng

Phòng Công Thương tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý sử dụng các công trình phúc lợi công cộng.

Chương trình 5: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên

Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện chủ trì cùng Thanh tra Xây dựng tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp được giao đất, cho thuê nhưng không sử dụng đúng mục đích, đúng thời hạn.

Chương trình 6: Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đào tạo, quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Phòng Nội vụ tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đào tạo, quản lý sử dụng lao động trong khu vực nhà nước.

Chương trình 7: Chống lãng phí và thực hành tiết kiệm tiêu dùng của nhân dân

Phòng Văn hóa - Thông tin huyện trực tiếp triển khai Chương trình Chống lãng phí và thực hành tiết kiệm tiêu dùng của nhân dân.

Để thực hiện thắng lợi chương trình hành động phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2006 - 2010, đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, các đoàn thể huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực thực hiện chương trình phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với những hình thức cụ thể, thiết thực; đồng thời, đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội, vận động nhân dân cùng thực hiện. Trước tiên là Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải trực tiếp thực hiện và đi đầu trong việc phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

VI. Tổ chức thực hiện: Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2009:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện, các đoàn thể huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương; giải quyết những vấn đề bức xúc, những yêu cầu thiết yếu của cộng đồng dân cư, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

- Căn cứ Kế hoạch này của Ủy ban nhân dân huyện, các phòng, ban, các đơn vị huyện, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn xây dựng kế hoạch cụ thể của cơ quan, đơn vị mình.

- Định kỳ hàng quý, Ủy ban nhân dân huyện sẽ làm việc với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị huyện, Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn về những vấn đề cấp bách phát sinh trong quá trình thực hiện Kế hoạch này.

- Giao Phòng Nội vụ huyện hướng dẫn thang điểm thi đua và hình thức khen thưởng năm 2009 các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt nội dung Kế hoạch này.

- Trước ngày 31 tháng 10 năm 2009, các đơn vị tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch và báo cáo (bằng văn bản) về cho Ủy ban nhân dân huyện, có đánh giá mức độ hoàn thành của đơn vị mình. Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp và tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện báo cáo về thành phố trước ngày 15 tháng 11 năm 2009 theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Minh Tấn

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng